|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH HÀ TĨNH**Số: /2024/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024*  |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO** |

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành một số cơ chế, chính sách về hỗ trợ đầu tư**

**vào các khu kinh tế và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**đến năm 2025 và những năm tiếp theo**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**KHOÁ … KỲ HỌP …**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Theo đề nghị của UBND tỉnh Hà Tĩnh tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm ; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về một số cơ chế,chính sách hỗ trợ; trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư trong các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư trên địa bàn các khu kinh tế, khu công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh (sau đây gọi chung là nhà đầu tư) thực hiện dự án đáp ứng điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết này;

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết này.

**Điều 2. Đối tượng hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư**

1. Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án thuộc một trong các đối tượng được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết này, bao gồm:

a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và các Văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 1.000 tỷ đồng trở lên tại Khu kinh tế Vũng Áng và các khu công nghiệp; 100 tỷ đồng trở lên tại Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo.

c) Dự án đầu tư có mức nộp ngân sách tỉnh từ hoạt động sản xuất kinh doanh tối thiểu 100 tỷ đồng của năm đầu tiên (không tính thời gian vận hành thử) tại khu kinh tế Vũng Áng và các khu công nghiệp, 10 tỷ đồng trở lên tại Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo.

d) Dự án xây dựng và kinh doanh cảng cạn tại khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo; dự án đầu tư kinh doanh bãi kiểm hóa, sang tải.

2. Chính sách hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị quyết này không áp dụng đối với các dự án đầu tư sau đây:

a) Dự án đầu tư trong lĩnh vực: thủy điện, khai thác khoáng sản, xây dựng nhà ở thương mại theo quy định của pháp luật về nhà ở; Dự án có mục tiêu hỗn hợp gồm thương mại, dịch vụ và Nhà ở.

b) Dự án đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ đầu tư**

1. Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án khi thực hiện dự án đầu tư ngoài việc được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư theo quy định của Trung ương, còn được hưởng cơ chế,chính sách hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết này.

2. Trong cùng một nội dung hỗ trợ, Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đủ điều kiện được hưởng nhiều mức hỗ trợ khác nhau thì được lựa chọn áp dụng một mức hỗ trợ cao nhất.

3. Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án được hỗ trợ sử dụng ngân sách Nhà nước đúng mục đích, đúng chế độ và phát huy hiệu quả; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện việc thanh toán, quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Mục 1**

**Cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư áp dụng chung**

**khi đáp ứng điều kiện hỗ trợ**

**Điều 4. Hỗ trợ đào tạo lao động**

1. Điều kiện hỗ trợ:

Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này đã hoàn thành và đi vào hoạt động có ký hợp đồng lao động với người lao động từ 12 tháng trở lên, tham gia bảo hiểm xã hội, gửi lao động đi đào tạo tại các cơ sở trong và ngoài tỉnh, ngoài nước hoặc đào tạo tại cơ sở sản xuất, có chứng chỉ sơ cấp trở lên, bao gồm đào tạo kỹ năng nghề, ngoại ngữ và kiến thức hội nhập quốc tế.

2. Mức hỗ trợ:

Ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí đào tạo trực tiếp cho Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án, cụ thể: 01 lần cho 01 lao động với 80% chi phí đào tạo và không vượt quá mức 6.000.000 đồng/01 lao động.

**Điều 5. Hỗ trợ phát triển thị trường**

1. Điều kiện hỗ trợ:

Dự án thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này đã hoàn thành và đi vào hoạt động. Đối với các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp: được hỗ trợ ngay khi có quyết định cho thuê đất.

Được hỗ trợ chi phí đi lại tham gia xúc tiến đầu tư ở nước ngoài theo kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm của tỉnh hoặc trung ương

2. Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 80% tổng chi phí và không quá 300 triệu đồng/lượt/dự án.

- Mỗi dự án không quá 02 lượt/năm và 03 lượt trong suốt quá trình hoạt động tại tỉnh.

**Điều 6. Hỗ trợ quảng bá thông tin**

1. Điều kiện hỗ trợ:

Dự án thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này đã có quyết định cho thuê đất hoặc đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các Dự án thuê lại đất.

2. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% chi phí quảng cáo về sản phẩm sản xuất trên các phương tiện thông tin của tỉnh gồm Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Hà Tĩnh. Mỗi phương tiện thông tin truyền thông được hỗ trợ quảng bá 01 hợp đồng/năm; tối đa 02 năm và không quá 300 triệu đồng/ 01 hợp đồng;

Hỗ trợ quảng bá thông qua các cơ quan truyền thông Trung ương nhưng không quá 300 triệu đồng/hợp đồng/năm và tối đa 02 hợp đồng đối với mỗi Dự án.

b) Hỗ trợ miễn phí quảng bá doanh nghiệp, sản phẩm kinh doanh, tuyển dụng lao động trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin của các sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh trong thời hạn tối đa 02 năm.

**Mục 2**

**Chính sách hỗ trợ đối với các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Vũng Áng**

**Điều 7: Hỗ trợ đối với Dự án đầu tư kinh doanh dịch vụ logistics**

1. Điều kiện hỗ trợ:

Dự án đầu tư mới thuộc ngành nghề kinh doanh dịch vụ logistic khi hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào hoạt động hoặc theo giai đoạn đã được phân kỳ trong chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mức hỗ trợ:

Được hỗ trợ kinh phí xây dựng nhưng tối đa không quá 50% suất vốn đầu tư tối thiểu theo quy định của Bộ Xây dựng ban hành tại năm hoàn thành dự án hoặc 200 triệu đồng/1ha và không quá 10 tỷ đồng/01 Dự án. Trường hợp dự án có nhiều hợp phần, chỉ hỗ trợ phần diện tích đầu tư xây dựng các hạng mục được hỗ trợ theo quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt.

**Điều 8. Cơ chế, chính sách hỗ trợ về thủ tục**

1. UBND tỉnh thành lập Tổ công tác về giải quyết thủ tục hành chính đối với các Dự án thuộc Điều 2 Nghị quyết này để tổ chức phối hợp liên ngành, thực hiện chức năng hướng dẫn, hỗ trợ Nhà đầu tư đẩy nhanh việc thực hiện các thủ tục hành chính đối với Dự án đầu tư.

2. UBND tỉnh thành lập Tổ công tác về giải giải phóng mặt bằng đối với các Dự án thuộc Điều 2 Nghị quyết này để đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng các dự án.

3. Trường hợp các dự án đầu tư thuộc danh mục dự án thuộc danh mục Tỉnh thu hút đầu tư hoặc dự án đầu tư hoặc thuộc diện áp dụng quy định tại Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các thủ tục khác có liên quan thuộc thầm quyền chấp thuận, phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, các Sở, ban ngành thời gian thực hiện cắt giảm còn 2/3 so với quy định.

**Điều 9. Hỗ trợ đầu tư hoàn thiện đồng bộ hạ tầng kỹ thuật thiết yếu**

a) Hàng năm, ưu tiên nguồn lực ngân sách nhà nước để đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại Khu kinh tế Vũng Áng.

b) Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư đường giao thông, hệ thống thoát nước đến hàng rào dự án khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo hoặc làm việc với các doanh nghiệp chuyên ngành đầu tư hệ thống cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc đến hàng rào dự án để bán trực tiếp cho nhà đầu tư.

**Mục 3**

**Chính sách hỗ trợ riêng đối với dự án tại Khu kinh tế**

**Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo**

**Điều 10.** **Hỗ trợ san lấp mặt bằng**

1. Điều kiện hỗ trợ: Dự án nằm trong danh mục ưu tiên thu hút đầu tư hàng năm được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, hoàn thành san lấp mặt bằng Dự án.

2. Mức hỗ trợ: Sau khi nhà đầu tư hoàn thành san lấp mặt bằng Dự án, ngân sách tỉnh hỗ trợ cho nhà đầu tư 30% chi phí san lấp mặt bằng, nhưng không vượt quá 10 tỷ đồng đối với 01 dự án 20ha trở lên và 04 tỷ đồng đối với dự án dưới 20ha.

**Điều 11.** **Hỗ trợ xây dựng hệ thống cảng cạn, khu kiểm hóa, sang tải**

1. Điều kiện hỗ trợ: Dự án đầu tư cảng cạn, khu kiểm hóa, sang tải được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, hoàn thành và đi vào hoạt động theo đúng tiến độ.

2. Mức hỗ trợ: Ngoài nội dung hỗ trợ tại Điều 10, Tỉnh hỗ trợ kinh phí xây dựng Dự án cảng cạn, khu kiểm hóa, sang tải sau khi hoàn thành nhưng tối đa không quá 50% suất vốn đầu tư tối thiểu theo quy định của Bộ Xây dựng ban hành tại năm hoàn thành Dự án hoặc 200 triệu đồng/1ha và không quá 05 tỷ đồng. Trường hợp dự án có nhiều hợp phần, chỉ hỗ trợ phần diện tích đầu tư xây dựng các hạng mục được hỗ trợ theo quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt.

**Chương III**

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN**

**Điều 12. Trình tự thực hiện**

1. Nhà đầu tư nộp 02 bộ hồ sơ gốc theo quy định tại Điều 12 Quy định này tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh hoặc qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Trường hợp hồ sơ được gửi đến qua đường bưu điện, thời gian được tính từ ngày đến đóng dấu bưu điện).

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan liên quan (nếu cần thiết).

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến gửi văn bản trả lời về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh tiến hành kiểm tra, thẩm định gửi Sở tài chính.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và văn bản đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ kinh phí nếu đủ điều kiện.

6. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính cấp kinh phí trực tiếp hỗ trợ đầu tư.

**Điều 13. Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ**

1. Hỗ trợ san lấp mặt bằng

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư; *(Phụ lục 1)*

b) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định thuê đất;

c) Hợp đồng thi công, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành hạng mục san nền;

d) Bản quyết toán khối lượng san nền hoàn thành giữa nhà đầu tư và nhà thầu, hồ sơ hoàn công.

2. Hỗ trợ dự án logistic; dự án xây dựng hệ thống cảng cạn, khu kiểm hóa, sang tải

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư; *(Phụ lục 1)*

b) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy phép xây dựng; Các văn bản phê duyệt quy hoạch chi tiết;

c) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình dự án hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành các hạng mục, công trình theo phân kỳ đầu tư (nếu có);

3. Hỗ trợ đào tạo lao động

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư; *(Phụ lục 1)*

b) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án;

c) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình dự án;

d) Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng trở lên làm việc tại doanh nghiệp;

đ) Danh sách người lao động tham gia bảo hiểm bắt buộc có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội nơi doanh nghiệp đăng ký đóng bảo hiểm cho người lao động;

e) Quyết định công nhận tốt nghiệp, danh sách cấp chứng chỉ của đơn vị tổ chức đào tạo có chữ ký nhận của học viên;

g) Hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng đào tạo.

4. Hỗ trợ phát triển thị trường; Hỗ trợ quảng bá thông tin

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư; *(Phụ lục 1)*

b) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án;

c) Giấy mời/văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (nếu có);

d) Hợp đồng/hóa đơn thanh toán hoặc các chứng từ thanh toán hợp lệ chứng minh chi phí thuê địa điểm, thiết kế, dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày và chi phí đi lại;

e) 02 ảnh chụp tổng thể gian hàng trưng bày (nếu có tham gia gian hàng).

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 14. Kinh phí thực hiện**

Ngân sách tỉnh đảm bảo thực hiện.

**Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 16. Hiệu lực thi hành**

Các dự án hoàn thành sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực, đủ điều kiện được hỗ trợ đầu tư nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư theo các chính sách trước đây của tỉnh thì nhà đầu tư được áp dụng theo quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Khoá XVIII Kỳ họp thứ hai thông qua ngày … tháng … năm và có hiệu lực từ ngày … tháng … năm ./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);- TT Tỉnh ủy; HĐND, UBND tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh;- Đoàn ĐBQH tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;- Các Sở, Ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;- Trung tâm Công báo tỉnh;- Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **<TÊN NHÀ ĐẦU TƯ>-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| **Số:** | *……, Ngày……. Tháng…… năm ……* |

**Phụ lục 1**

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - UBND tỉnh Hà Tĩnh;- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh. |

(Tên nhà đầu tư).................................................................. ;

Loại hình tổ chức: ............................................................... ;

Ngành nghề kinh doanh:................................................................................... ;

Trụ sở chính:......................................................................................................;

Điện thoại: ……………….;Fax..................................... ;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số ..…..do ………….. cấp ngày ….tháng …..năm ……

Tài khoản giao dịch số:…...................... mở tại……………..

**I. ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN VỚI NỘI DUNG SAU:**

1. Tên Dự án:............................................................................................... ;

2. Lĩnh vực đầu tư: ....................................................................................... ;

3. Địa điểm thực hiện Dự án: ....................................................................... ;

4. Mục tiêu và quy mô của dự án: ................................................................. ;

5. Tổng vốn đầu tư của Dự án: ...................................................................... ;

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng: ...................................................................... ;

7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm: ....................................... ;

8. Tiến độ thực hiện Dự án theo cam kết:..................... ....................................;

9. Tiến độ thực hiện Dự án thực tế hiện nay:………………………………….

**II. KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (theo Nghị Quyết số …./2024/HĐND-NQ ngày... tháng... năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ):**

1. Căn cứ hỗ trợ

2. Sự phù hợp với các điều kiện hỗ trợ

3. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng hạng mục** | **Tổng giá trị hạng mục công trình (tr.đồng)** | **Giá trị đề nghị hỗ trợ (tr.đồng)** | **Ghi chú** |
| **1** |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**III. CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ:**

...................................................................................................................................................................

**IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:**

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**V. HỒ SƠ KÈM THEO**

**…….**

Kính đề nghị Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh xem xét, tổng hợp, trình UBND tỉnh hỗ trợ./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *....., ngày … tháng … năm ….***Chức danh người đại diện nhà đầu tư** *(Ký tên, đóng dấu)* |